

Số: 02/NQ-HĐND

Bà Rịa, ngày 24 tháng 4 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

**Thông nhất quy mô, chủ trương đầu tư xây dựng
dự án Trường Mầm non Tân Hưng**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG
KHÓA II - KỲ HỌP THỨ 11 (BẤT THƯỜNG)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm;

Căn cứ Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm, số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công và số 161/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;

Xét Tờ trình số 29/TTr-UBND ngày 11 tháng 4 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện Bà Rịa về việc thỏa thuận quy mô, chủ trương đầu tư xây dựng dự án Trường Mầm non Tân Hưng; Báo cáo thẩm tra số 04/BC-HĐND ngày 19 tháng 4 năm 2019 của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông nhất quy mô, chủ trương đầu tư xây dựng dự án Trường Mầm non Tân Hưng, cụ thể như sau:

1. Quy mô đầu tư xây dựng

- Dự án nhóm B.

- Loại công trình: Công trình dân dụng (Công trình giáo dục).

- Cấp công trình: Cấp II.



a) Phần Xây lắp

- Khu phòng nhóm trẻ - mẫu giáo

+ Phòng sinh hoạt và ngủ buổi trưa của trẻ (nhóm trẻ) : 2 phòng;

+ Phòng sinh hoạt và ngủ buổi trưa của trẻ (lớp mầm) : 6 phòng;

+ Phòng sinh hoạt và ngủ buổi trưa của trẻ (lớp chồi) : 6 phòng;

+ Phòng sinh hoạt và ngủ buổi trưa của trẻ (lớp lá) : 6 phòng.

- Khu phòng phục vụ học tập

+ Phòng hoạt động âm nhạc : 01 phòng;

+ Phòng rèn luyện thể chất : 01 phòng;

+ Phòng Hội trường (có sân khấu) : 01 phòng;

- Khu hành chính quản trị

+ Phòng hiệu trưởng (có vệ sinh) : 01 phòng;

+ Phòng các phó hiệu trưởng : 02 phòng;

+ Kho : 01 phòng;

+ Văn phòng trường : 01 phòng;

+ Phòng hành chính quản trị : 01 phòng;

+ Phòng y tế (có vệ sinh) : 01 phòng;

+ Phòng thiết bị lọc nước + năng lượng mặt trời;

+ Sảnh lấy nước tại mỗi tầng;

+ Sân khấu ngoài trời kết hợp với sảnh khối công trình chính.

- Khu phòng tổ chức ăn

+ Bếp nấu ăn : 01 bếp.

+ Kho lương thực, thực phẩm : 01 kho.

+ Kho dụng cụ đồ dùng : 01 kho.

+ Sàn nước : 01 sàn.

+ Kho Gas : 01 kho.

+ Sảnh nhập hàng : 01 Sảnh.

+ Sân phơi : 01 sân phơi.

+ Phòng dành cho nhân viên : 01 phòng.

+ Phòng giặt : 01 phòng.

+ Khu vệ sinh nam, nữ : 02 phòng.

- Các hạng mục phụ trợ khác: Nhà thường trực (có vệ sinh bên trong); nhà che máy bơm PCCC; nhà xe giáo viên - nhà để máy phát điện dự phòng; công -

hàng rào xung quanh; sân đường nội bộ; cột cờ, cây xanh, trồng cỏ; hệ thống hạ tầng kỹ thuật công trình,...

b) Phần Thiết bị: Đầu tư đồng bộ theo khối xây lắp và hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Dương.

2. Tổng mức đầu tư

a) Dự kiến tổng mức đầu tư của dự án	:	87.624.816.695 đồng.
- Chi phí Xây dựng	:	54.646.586.500 đồng.
- Chi phí Thiết bị	:	9.707.939.705 đồng.
- Chi phí Quản lý dự án	:	1.400.474.486 đồng.
- Chi phí Tư vấn đầu tư	:	4.216.052.808 đồng.
- Chi phí Khác	:	3.049.627.080 đồng.
- Dự phòng phí	:	14.604.136.116 đồng.

b) Cơ cấu nguồn vốn: Vốn Xổ số kiến thiết.

c) Thời gian thực hiện

- Thời gian chuẩn bị đầu tư: Năm 2018-2020.
- Khởi công: Năm 2020.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân huyện hoàn chỉnh hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo đúng quy định.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban của Hội đồng nhân dân huyện, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện thực hiện nhiệm vụ giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết này theo quy định.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân huyện Bàu Bàng khóa II, kỳ họp thứ 11 (bất thường) thông qua ngày 24 tháng 4 năm 2019 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./. tq

Nơi nhận:

- TT. HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- TT.HU; TT.HĐND huyện;
- UBND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, phòng ban, khối Đảng, UBMTTQ huyện, Đoàn thể huyện;
- HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT. vt

CHỦ TỊCH



Trần Thanh Liêm

1998
1999
2000
2001
2002
2003
2004
2005
2006
2007
2008
2009
2010
2011
2012
2013
2014
2015
2016
2017
2018
2019
2020
2021
2022
2023
2024
2025
2026
2027
2028
2029
2030

1998
1999
2000
2001
2002
2003
2004
2005
2006
2007
2008
2009
2010
2011
2012
2013
2014
2015
2016
2017
2018
2019
2020
2021
2022
2023
2024
2025
2026
2027
2028
2029
2030